

Số: 68/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 25 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 9383/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình Ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hoà Bình, nhiệm kỳ 2021-2026;

b) Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Quy định một số chế độ chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Thọ;

c) Nghị quyết số 49/2012/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Ban hành Quy định về một số chế độ, định mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp;

d) Nghị quyết số 117/2013/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định một số chế độ, định mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp ban hành kèm theo Nghị quyết 49/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

đ) Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định một số điều kiện bảo đảm hoạt động đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh;

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề thứ Tư thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, HĐ^{1,5,6}.

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Thọ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND
ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về một số chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; cán bộ, công chức, người lao động cơ quan làm việc tại cơ quan tham mưu giúp việc, phục vụ Hội đồng nhân dân các cấp.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm trong quản lý và sử dụng kinh phí được phân bổ, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Các nội dung chi hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp không có trong quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chế độ, chính sách bảo đảm các điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Chi hoạt động kỳ họp

a) Chi chế độ bồi dưỡng Chủ tọa kỳ họp: 500.000 đồng/người/ngày.

b) Chi chế độ bồi dưỡng Thư ký kỳ họp: 300.000 đồng/người/ngày.

c) Chi chế độ bồi dưỡng cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; phóng viên báo, đài, cán bộ y tế, bảo vệ phục vụ kỳ họp: 150.000 đồng/người/ngày.

d) Chi tiền ăn cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, khách mời dự Kỳ họp và cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ kỳ họp: Mức chi 300.000 đồng/người/ngày.

e) Chế độ chè, nước giải khát: Thực hiện theo quy định hiện hành.

f) Chế độ làm ngoài giờ: Trước, trong và sau các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh: cán bộ, công chức, người lao động phải làm thêm giờ (*ngoài giờ hành chính, các ngày nghỉ*) được thanh toán tiền làm thêm giờ theo quy định hiện hành.

2. Chế độ các phiên họp, kiểm tra, chất vấn, giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; họp Ban; họp thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; họp lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Luật, pháp lệnh; họp lấy ý kiến vào dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; họp tham vấn ý kiến nhân dân (*nếu có*).

a) Chi hỗ trợ chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người/buổi.

b) Chi hỗ trợ thành viên mời dự họp; cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phục vụ trực tiếp cuộc họp; phóng viên báo, đài: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Chế độ chè, nước giải khát: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Chi cho công tác giám sát, khảo sát

a) Chi xây dựng văn bản giám sát:

Chi xây dựng Quyết định thành lập đoàn giám sát: 1.000.000 đồng/văn bản; Chi xây dựng kế hoạch và đề cương giám sát: 1.000.000 đồng/văn bản; Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát đối với từng đơn vị giám sát: 1.000.000 đồng/báo cáo; Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung của đoàn giám sát: 2.500.000 đồng/báo cáo.

b) Chi xây dựng văn bản khảo sát:

Chi xây dựng kế hoạch, đề cương khảo sát: 1.000.000 đồng/văn bản; Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát: 1.000.000 đồng/báo cáo;

c) Chi cho thành viên đoàn giám sát, khảo sát và các cuộc họp giám sát, khảo sát: Trưởng đoàn giám sát, khảo sát: 200.000 đồng/người/buổi.

Thành viên đoàn; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phục vụ đoàn giám sát, khảo sát; phóng viên báo, đài tham gia đoàn giám sát, khảo sát: 100.000 đồng/người/buổi.

4. Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Chi cho hoạt động chất vấn:

Chi cho việc xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh và phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: các

báo cáo, kế hoạch chi tiết; biên bản tóm tắt nội dung chất vấn, trả lời chất vấn, mức chi tối đa là 1.000.000 đồng/văn bản.

Chi cho xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến chất vấn trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi tối đa là 1.500.000 đồng/báo cáo.

b) Chi cho hoạt động giải trình:

Kế hoạch chi tiết phiên giải trình, mức chi tối đa: 1.000.000 đồng/văn bản.

Chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giải trình, mức chi tối đa là 1.500.000 đồng/báo cáo.

5. Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri

a) Khoản kinh phí tiếp xúc cử tri cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi: 2.500.000 đồng/đại biểu/năm. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.

b) Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri, chi phí tối đa không quá 2.500.000 đồng/điểm/cuộc nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, tiền nước uống và các khoản chi khác.

c) Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri và phóng viên báo, đài: 150.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri theo tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo/đợt tiếp xúc cử tri.

e) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trình Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi tối đa: 1.500.000 đồng/báo cáo.

6. Chi hỗ trợ công tác xây dựng và ban hành văn bản

a) Mức chi bồi dưỡng xây dựng văn bản, tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

Chi rà soát nội dung, thể thức, kỹ thuật hoàn thiện nghị quyết trước và sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, mức chi tối đa 1.000.000 đồng/Nghị quyết; Xây dựng báo cáo kết quả kỳ họp: 1.500.000 đồng/báo cáo; Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận tổ và tại Hội trường: 1.500.000 đồng/báo cáo.

b) Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác năm; báo cáo 6 tháng, hàng năm, nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh:

Xây dựng báo cáo kết quả công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh định kỳ trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh: 1.500.000 đồng/báo cáo; Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo; Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Thường trực

Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân mức chi tối đa là 1.500.000 đồng/văn bản.

c) Chi cho các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng báo cáo thẩm tra các báo cáo, dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh:

Thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết mới, hoặc thay thế, mức chi tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo thẩm tra; Thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo thẩm tra; Thẩm tra đối với báo cáo, mức chi tối đa: 2.000.000 đồng/báo cáo.

d) Chi xây dựng báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo.

e) Chi xây dựng báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo nghiên cứu đề xuất của các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến: 2.000.000 đồng/báo cáo.

f) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành: 800.000 đồng/báo cáo.

7. Chi hỗ trợ và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may 02 (hai) bộ lễ phục/nhiệm kỳ, mức chi: 10.000.000 đồng/bộ.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được trang cấp một máy tính xách tay hoặc máy tính bảng/nhiệm kỳ, giá trị theo quy định của pháp luật.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu theo quy định về đào tạo.

d) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp vật tư văn phòng phục vụ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tài liệu bao gồm: Báo đại biểu nhân dân, phí khai thác internet (*mức chi cụ thể: 150.000 đồng/người/tháng*), ký yếu Hội đồng nhân dân.

f) Chi hỗ trợ khai thác; tìm kiếm, tra cứu thông tin; nghiên cứu tài liệu, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân đối với các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động kiêm nhiệm, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách và công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi như sau:

Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh kiêm nhiệm, mức chi: 1,0 mức lương cơ sở/người/tháng; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh kiêm nhiệm, mức chi: 0,9 mức lương cơ sở/người/tháng; Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh kiêm

nhiệm, mức chi: 0,7 mức lương cơ sở/người/tháng; Phó Trưởng các ban kiêm nhiệm, mức chi: 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng, Thành viên các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh kiêm nhiệm, Tổ trưởng các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiêm nhiệm, mức chi: 0,3 mức lương cơ sở /người/tháng.

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách, mức chi: 1,25 mức lương cơ sở/người/tháng.

Công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi: 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng.

g) Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hàng năm:

Ngoài các chế độ theo quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng hàng năm theo mức không quá 2.500.000 đồng/đại biểu/năm. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.

h) Chi hỗ trợ kinh phí tham gia ý kiến, xây dựng dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Văn phòng và công chức thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan trực tiếp đến việc tham gia ý kiến, xây dựng dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi: 1.500.000 đồng/người/kỳ họp;

Phó Trưởng Ban chuyên trách, Ủy viên chuyên trách các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi: 1.300.000 đồng/người/kỳ họp;

Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi: 1.000.000 đồng/người/kỳ họp;

Công chức các phòng Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, mức chi: 700.000 đồng/người/kỳ họp.

k) Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may 01 (một) bộ lễ phục/nhiệm kỳ với mức chi 5.000.000 đồng/bộ.

8. Chế độ tặng quà đối với các đối tượng chính sách - xã hội

Chế độ tặng quà được thực hiện đối với các đối tượng sau: Các đối tượng chính sách, các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp với hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội, như: trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú; các xã, thôn, bản thuộc vùng đặc biệt khó khăn, các xã an toàn khu,... khi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà.

Mức giá trị quà tặng tối đa cho mỗi lần thăm hỏi như sau: Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đến thăm hỏi tặng quà cho tập thể mức cao nhất là 3.000.000 đồng/lần; tặng quà cho cá nhân mức cao nhất là 700.000 đồng/lần.

9. Chế độ tặng quà lưu niệm

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được tặng quà khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh; kỷ niệm ngày thành lập các cơ quan của tỉnh; mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao.

10. Chế độ thăm hỏi trợ cấp

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi bị ốm phải điều trị tại bệnh viện được chi tiền thăm hỏi: 1.000.000 đồng/người/lần (một năm không quá hai lần/đại biểu). Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, phải điều trị kéo dài thì mức chi trợ cấp một lần tối đa không quá 3.000.000 đồng/người/năm.

b) Mức chi viếng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đương nhiệm từ trần: 1.500.000 đồng.

c) Mức chi viếng cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đương nhiệm; nguyên lãnh đạo Hội đồng nhân dân, nguyên lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, nguyên lãnh đạo Văn phòng đã nghỉ hưu từ trần: 1.000.000 đồng/người.

11. Chế độ công tác phí, hội nghị

Ngoài chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc họp theo quy định hiện hành của Nhà nước, chế độ chi trong một số trường hợp được quy định như sau:

a) Hội đồng nhân dân tỉnh thanh toán toàn bộ tiền công tác phí theo quy định cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi tham gia các hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát, khảo sát, tham gia hoạt động theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chi tiền ăn tại hội nghị và khi đi công tác:

Các hội nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh (như hội nghị giao ban Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Hội đồng nhân dân các cấp, các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, họp Ban, họp thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; họp tổng kết năm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; họp tổng kết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh): Trong trường hợp tổ chức ăn tập trung, cơ quan tổ chức hội nghị chi trả tiền ăn và tiền ăn dọc đường của các đoàn công tác (nếu có) theo mức tiền ăn tối đa bằng mức tiền ăn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

Các ngày tham dự hội nghị, ngày đi công tác đã được thanh toán tiền ăn thì không được thanh toán tiền phụ cấp lưu trú.

Điều 4. Chế độ, chính sách bảo đảm các điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã

1. Chi hoạt động kỳ họp

Chi chế độ bồi dưỡng Chủ tọa kỳ họp: 300.000 đồng/người/ngày.

Chi chế độ bồi dưỡng Thư ký kỳ họp: 200.000 đồng/người/ngày.

2. Chi chế độ họp thẩm tra

Chi hỗ trợ chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi.

Chi hỗ trợ thành viên mời dự họp; cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng phục vụ trực tiếp cuộc họp: 80.000 đồng/người/buổi.

3. Chi chế độ đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân. Mức chi cụ thể:

Trưởng đoàn: 150.000 đồng/người/buổi;

Thành viên đoàn; cán bộ, công chức và người lao động Văn phòng phục vụ trực tiếp: 80.000 đồng/người/buổi;

4. Chi công tác tiếp xúc cử tri:

a) Chi hỗ trợ hoạt động tiếp xúc cử tri tối đa 1.000.000 đồng/tổ/đợt tiếp xúc cử tri nhằm trang trải chi phí như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống và các khoản chi khác.

b) Khoán kinh phí tiếp xúc cử tri cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, mức chi không quá: 1.500.000 đồng/đại biểu/năm. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.

5. Chi hỗ trợ và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã

a) Chi hỗ trợ khai thác; tìm kiếm, tra cứu thông tin; nghiên cứu tài liệu đối với các đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã hoạt động kiêm nhiệm, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã chuyên trách, mức chi như sau:

Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã kiêm nhiệm, mức chi: 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã kiêm nhiệm, mức chi: 0,4 mức lương cơ sở/người/tháng; Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân cấp xã kiêm nhiệm, mức chi: 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng; Phó Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân cấp xã kiêm nhiệm, mức chi: 0,2 mức lương cơ sở/người/tháng; Thành viên các Ban Hội đồng nhân dân cấp xã kiêm nhiệm, Tổ trưởng các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã kiêm nhiệm, mức chi: 0,15 mức lương cơ sở/người/tháng.

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã hoạt động chuyên trách, mức chi: 0,7 mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hàng năm: Ngoài các chế độ theo quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng hàng năm theo mức không quá 1.500.000 đồng/đại biểu/năm. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu theo quy định về đào tạo; cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác theo quy định.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí chi chế độ phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp nào do ngân sách cấp đó quyết định và phải được thanh, quyết toán theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào các chế độ, định mức chi tiêu hiện hành của Nhà nước và các quy định về chế độ, chính sách chi tiêu tài chính tại Nghị quyết này, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện để đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp có hiệu quả.

2. Đối với các nội dung chi cho hoạt động Hội đồng nhân dân cấp xã chưa được quy định chi tiết như các nội dung chi cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại Nghị quyết này, thì Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào Nghị quyết này và điều kiện của từng địa phương, báo cáo trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định cụ thể nội dung chi, định mức chi theo nguyên tắc: Mức chi đối với Hội đồng nhân dân cấp xã không quá 70% mức chi của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

3. Đối với các nội dung không quy định mức chi cụ thể, Thủ trưởng đơn vị quyết định mức chi trong phạm vi dự toán được giao để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm định kỳ 03 năm (ba năm) một lần, rà soát chế độ và chính sách chi tiêu tài chính của Nghị quyết này, phối hợp với cơ quan chuyên môn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ./.
